

Hướng dẫn nhập học vào nơi giữ trẻ được công nhận tại thành phố Sapporo

Nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... trong hướng dẫn này là các cơ sở sau đây.

- ① Nhà trẻ được công nhận, ② Trường mẫu giáo được công nhận (bộ phận chăm sóc), ③ Cơ sở giữ trẻ quy mô gia đình, ④ Cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ
- ⑤ Cơ sở giữ trẻ tại doanh nghiệp (Được công nhận – Theo phạm vi khu vực)

Nếu bạn có nguyện vọng sử dụng các cơ sở từ ① ~ ⑤, vui lòng đọc kỹ hướng dẫn này và sau đó thực hiện các thủ tục.

1. Khi sử dụng nơi giữ trẻ được công nhận, v.v...

Khi sử dụng nơi giữ trẻ được công nhận, v.v..., bạn cần được Ban Sức khỏe và trẻ em của khu vực nơi bạn đang sinh sống (tham khảo P.9) cấp Chứng nhận cần hỗ trợ giáo dục và chăm sóc trẻ em.

Chứng nhận cần hỗ trợ giáo dục và chăm sóc trẻ em được phân loại theo độ tuổi của trẻ và lý do cần chăm sóc như trong Bảng

- 1. Để sử dụng nơi giữ trẻ được công nhận, v.v..., bạn cần phải có Chứng nhận cần hỗ trợ giáo dục và chăm sóc trẻ em thuộc nhóm 2 hoặc nhóm 3.

(Bảng 1) Chứng nhận cần hỗ trợ giáo dục và chăm sóc trẻ em (Chứng nhận thuộc nhóm 2, nhóm 3)

|                                    | Chứng nhận thuộc nhóm 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Chứng nhận thuộc nhóm 2                       |
|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Độ tuổi đối tượng                  | 2 ngày trước khi tròn sinh nhật 3 tuổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1 ngày trước khi tròn sinh nhật 3 tuổi trở đi |
| Thời hạn chứng nhận                | Khoảng thời gian có thể sử dụng nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... vì lý do cần chăm sóc trẻ (như trong Bảng 2 “Lý do cần giữ trẻ”)                                                                                                                                                                                                   |                                               |
| Khoảng thời gian gửi trẻ mong muốn | Tùy thuộc vào lý do cần chăm sóc, có 2 loại thời gian gửi trẻ mong muốn là Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn (trong 11 tiếng/ngày) và Thời gian gửi trẻ ngắn (trong 8 tiếng/ngày)<br><br>* Trường hợp sử dụng nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... vượt quá khoảng thời gian gửi trẻ mong muốn, sẽ phát sinh chi phí chăm sóc trẻ ngoài giờ. |                                               |

(Bảng 2) Lý do cần giữ trẻ (Trường hợp hộ gia đình là vợ chồng, một trong 2 người cần phải có lý do tương ứng bên dưới)

| STT | Lý do                                                                     | Thời hạn chứng nhận                                                            | Khoảng thời gian gửi trẻ mong muốn*1, 2 |                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Làm việc                                                                  | Đến cuối tháng của thời gian làm việc (*3)                                     | Từ 120 tiếng trở lên/tháng              | Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn |
|     |                                                                           |                                                                                | Từ 64 tiếng đến dưới 120 tiếng/tháng    | Thời gian gửi trẻ ngắn       |
| 2   | Mang thai - sinh con                                                      | Từ 8 tuần trước ngày dự sinh đến cuối tháng của tháng sau khi sinh được 8 tuần | Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn            |                              |
| 3   | Bị bệnh - khuyết tật                                                      | Thời gian cần thiết để điều trị phục hồi                                       | Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn            |                              |
| 4   | Chăm sóc, điều dưỡng cho thành viên trong gia đình đang sống cùng, v.v... | Thời gian cần thiết để thực hiện chăm sóc, điều dưỡng                          | Từ 120 tiếng trở lên/tháng              | Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn |
|     |                                                                           |                                                                                | Từ 64 tiếng đến dưới 120 tiếng/tháng    | Thời gian gửi trẻ ngắn       |
| 5   | Khắc phục thảm họa                                                        | Thời gian cần thiết để khắc phục thảm họa                                      | Từ 120 tiếng trở lên/tháng              | Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn |
|     |                                                                           |                                                                                | Từ 64 tiếng đến dưới 120 tiếng/tháng    | Thời gian gửi trẻ ngắn       |

|    |                                                          |                                                                               |                                      |                              |
|----|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|
| 6  | Hoạt động tìm việc làm (bao gồm cả chuẩn bị khởi nghiệp) | Khoảng 3 tháng (đến cuối tháng của tháng có ngày thứ 90)                      | Thời gian gửi trẻ ngắn               |                              |
| 7  | Đi học, đào tạo nghề                                     | Cho đến cuối tháng của khoảng thời gian đi học, đào tạo nghề                  | Từ 120 tiếng trở lên/tháng           | Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn |
|    |                                                          |                                                                               | Từ 64 tiếng đến dưới 120 tiếng/tháng | Thời gian gửi trẻ ngắn       |
| 8  | Có nguy cơ bị ngược đãi và bạo hành gia đình             | Khác nhau tùy theo tình hình của hộ gia đình                                  | Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn         |                              |
| 9  | Nghỉ làm chăm con (nếu trẻ tiếp tục học tại trường đó)   | Theo nguyên tắc là đến cuối tháng của tháng kết thúc kỳ nghỉ để chăm con (*4) | Thời gian gửi trẻ ngắn               |                              |
| 10 | Trường hợp có lý do khác tương ứng với các mục nêu trên  | Khác nhau tùy theo lý do                                                      | Khác nhau tùy theo lý do             |                              |

※1 Nếu lý do của một người giám hộ thuộc loại Thời gian gửi trẻ ngắn và lý do của người còn lại thuộc loại Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn thì khoảng thời gian gửi trẻ mong muốn sẽ là Thời gian gửi trẻ ngắn

※2 Ngay cả trong trường hợp lý do tương ứng với thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn, người giám hộ vẫn có thể chọn thời gian gửi trẻ ngắn theo mong muốn của mình. Ngoài ra, ngay cả trong trường hợp tương ứng với Thời gian gửi trẻ ngắn, bạn cũng có thể áp dụng các biện pháp đặc biệt như sau khi chọn Thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn (cần phải nộp Đơn đăng ký áp dụng đặc biệt trong thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn).

[Các trường hợp có thể sử dụng thời gian gửi trẻ tiêu chuẩn theo biện pháp đặc biệt]

- ① Số ngày có thời gian làm việc, v.v... từ 7 tiếng trở lên ít nhất là 3 ngày/tuần hoặc 12 ngày/tháng.
- ② Đối với thời gian làm việc từ 3 ngày trở lên/tuần hoặc 12 ngày trở lên/tháng, một trong hai hoặc cả hai thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc công việc, v.v... phải tương ứng với một trong các trường hợp sau đây.

| Khung thời gian gửi trẻ ngắn giờ | Thời gian bắt đầu công việc, giờ học | Thời gian kết thúc công việc, giờ học |
|----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|
| 8:00 ~ 16:00                     | Trước 8:30                           | Sau 15:30                             |
| 8:30 ~ 16:30                     | Trước 9:00                           | Sau 16:00                             |
| 9:00 ~ 17:00                     | Trước 9:30                           | Sau 16:30                             |

• Khung giờ của thời gian gửi trẻ ngắn sẽ khác nhau tùy theo từng trường, vì vậy vui lòng xem Danh sách nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... của thành phố Sapporo đính kèm để biết chi tiết.

※3 Thời gian quay lại công việc sau khi chế độ nghỉ chăm con sẽ thay đổi từ 1/4/2026 (áp dụng cả trong trường hợp xin việc mới)

-Dành cho đối tượng nhập học trước 31/3/2026

Nghỉ tối đa 12 ngày tính từ ngày sử dụng dịch vụ đến ngày làm việc thứ 12 tại nơi giữ trẻ, người giám hộ phải trở lại công việc từ ngày thứ 13 trở đi.

-Dành cho đối tượng nhập học từ 1/4/2026 trở đi

Tính từ ngày sử dụng dịch vụ đến hôm trước khi tròn 1 tháng sử dụng dịch vụ 1 ngày, người giám hộ phải trở lại công việc vào đúng 1 tháng sau.

Ví dụ: Bắt đầu sử dụng dịch vụ giữ trẻ từ ngày 1/4 thì người giám hộ sẽ nghỉ chăm con từ ngày 1/4 đến 30/4 và bắt đầu công việc từ ngày 1/5. Trường hợp người giám hộ không quay lại làm việc và tiếp tục nghỉ chăm con thì có khả năng không được chứng nhận giữ trẻ với lý do làm việc nữa.

※4 Cho đến ngày cuối cùng của tháng có ngày mà người giám hộ mong muốn, với thời hạn tối đa là ngày trẻ đủ 1 tuổi. Ngoài ra, chỉ trong trường hợp trẻ có liên quan đến việc nghỉ làm chăm con ở trong tình trạng không thể sử dụng nơi giữ trẻ được công nhận, v.v..., thì người giám hộ mới có thể kéo dài thời hạn này bằng cách đăng ký, đến khi trẻ được 1 tuổi 6 tháng khi trẻ đủ 1 tuổi, và đến 2 tuổi khi trẻ đủ 1 tuổi 6 tháng.

2. Về giai đoạn làm quen nhà trẻ

Để giảm bớt áp lực cho trẻ khi thay đổi môi trường, kể từ ngày nhập học tại nơi giữ trẻ được công nhận v.v..., chúng tôi sẽ triển khai chế độ làm quen nhà trẻ và dần dần kéo dài thời gian gửi trẻ. Thời gian làm quen nhà trẻ sẽ khác nhau tùy thuộc vào tình trạng của trẻ, tình hình gia đình và chính sách của nơi mà trẻ sẽ nhập học, v.v... Nếu bạn gặp khó khăn do tình hình công việc, v.v..., vui lòng liên hệ với nhà trường để được tư vấn.

3. Về thời gian khai giảng và độ tuổi tiếp nhận của nơi giữ trẻ được công nhận, v.v...

Thời gian khai giảng và độ tuổi tiếp nhận của nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... sẽ khác nhau tùy theo từng trường, vì vậy vui lòng xem Danh sách nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... của thành phố Sapporo đính kèm để biết chi tiết. Ngoài ra, độ tuổi sẽ được xác định dựa trên số tuổi của trẻ khi bắt đầu năm tài chính (tính đến ngày 1/4) mà bạn muốn cho trẻ nhập học, như trong Bảng 3.

Ngoài ra, thành phố cũng có một số nhà trẻ cung cấp dịch vụ giữ trẻ ngoài giờ với đối tượng là những trẻ cần giữ ngoài thời gian thông thường vì các lý do như thời gian làm việc, thời gian đi làm, v.v... của người giám hộ, và nhà trẻ ban đêm nhận giữ trẻ đến 0 giờ sáng hoặc 10 giờ đêm (chỉ ở quận Chuo, quận Nishi\*), vì vậy những người có nhu cầu vui lòng trao đổi với Ban sức khỏe và trẻ em của khu vực mình đang sinh sống. (Đối với dịch vụ giữ trẻ ngoài giờ, bạn cần phải đăng ký riêng tại nhà trẻ sau khi trẻ nhập học.)

※ Nhà trẻ ban đêm chỉ có thể sử dụng trong trường hợp (một trong hai) người giám hộ tương ứng với lý do cần giữ trẻ là làm việc hoặc đi học, đào tạo nghề, và có ít nhất 3 ngày trong tuần là ngày có thời gian cần thiết cho các hoạt động này đến sau 7 giờ tối. Ngoài ra, tùy thuộc vào hệ thống giữ trẻ tại cơ sở mà bạn cho trẻ nhập học, cũng có trường hợp nhà trẻ không có dịch vụ giữ trẻ vào ban đêm.

(Bảng 3) Bảng tính tuổi nhập học năm 2025 (Reiwa 7) và 2026 (Reiwa 8)

| Ngày tháng năm sinh của trẻ               | Năm Reiwa 7<br>Năm 2025 | Năm Reiwa 8<br>Năm 2026 |
|-------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Từ 2/4/2025 (Reiwa 7) trở đi              | 0 tuổi                  | 0 tuổi                  |
| 2/4/2024 (Reiwa 6) ~ 1/4/2025 (Reiwa 7)   |                         | 1 tuổi                  |
| 2/4/2023 (Reiwa 5) ~ 1/4/2024 (Reiwa 6)   | 1 tuổi                  | 2 tuổi                  |
| 2/4/2022 (Reiwa 4) ~ 1/4/2023 (Reiwa 5)   | 2 tuổi                  | 3 tuổi                  |
| 2/4/2021 (Reiwa 3) ~ 1/4/2022 (Reiwa 4)   | 3 tuổi                  | 4 tuổi                  |
| 2/4/2020 (Reiwa 2) ~ 1/4/2021 (Reiwa 3)   | 4 tuổi                  | 5 tuổi                  |
| 2/4/2019 (Heisei 31) ~ 1/4/2020 (Reiwa 2) | 5 tuổi                  | —                       |

4. Về điều chỉnh việc sử dụng dịch vụ giữ trẻ và ngày nhập học

Chúng tôi sẽ tiếp nhận đăng ký sử dụng giữ trẻ bất kỳ lúc nào và tiến hành điều chỉnh sau khi xét duyệt nội dung. Hạn cuối điều chỉnh là thứ Sáu hằng tuần, và đối với các mong muốn sử dụng dịch vụ giữ trẻ trong vòng 2 tháng kể từ ngày hết hạn sẽ được thực hiện từ tuần tiếp theo trở đi (Việc điều chỉnh nhập học trong năm tài chính mới (ngày 1/4) sẽ được thực hiện đồng thời sau khoảng thời gian tiếp nhận riêng được ấn định vào khoảng tháng 11).

Việc điều chỉnh sẽ dựa trên tiêu chuẩn điều chỉnh sử dụng, và việc nhập học sẽ được xác định dựa trên người có mức độ cần

chăm sóc trẻ cao tại thời điểm ngày mong muốn nhập học. Mỗi lần điều chỉnh sẽ được thực hiện cho đối tượng là những người đăng ký tại thời điểm đó, vì vậy sẽ không có ưu tiên theo thứ tự ai đăng ký trước thì được điều chỉnh trước. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng không có ưu tiên theo thứ tự nguyện vọng (nguyên vọng 1 ~ nguyên vọng 5).

Nhà giữ trẻ được công nhận sẽ đưa ra quyết định nhập học dựa trên kết quả điều chỉnh sử dụng đã được chấp thuận. Trường mẫu giáo được công nhận (bộ phận chăm sóc), cơ sở giữ trẻ quy mô gia đình, cơ sở giữ trẻ quy mô nhỏ, cơ sở giữ trẻ tại doanh nghiệp (được công nhận – theo phạm vi khu vực) sẽ ký hợp đồng sử dụng với các cơ sở dựa trên kết quả điều chỉnh sử dụng nhà trẻ.

Theo nguyên tắc, ngày nhập học là ngày bạn muốn cho con nhập học, nhưng nếu nhà trẻ mà bạn muốn cho trẻ nhập học không còn chỗ trống, trẻ sẽ không thể nhập học vào ngày mong muốn, và bạn sẽ phải đợi cho đến khi nhà trẻ có thể tiếp nhận. Về quy trình từ đăng ký đến thông báo kết quả điều chỉnh, vui lòng xem mục Quy trình từ khi đăng ký sử dụng nhà trẻ đến quyết định nhập học ở trang 3-4

## 5. Về phí chăm sóc trẻ

Vui lòng xem mục Về phương pháp xác định chi phí chăm sóc trẻ đính kèm.

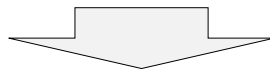
## 6. Quy trình từ khi đăng ký sử dụng đến quyết định nhập học

Tham quan nhà trẻ được công nhận, v.v...

Vui lòng liên hệ trước với nhà trẻ được công nhận, v.v... sau đó dẫn trẻ đến tham quan. (Chính sách giữ trẻ, v.v... sẽ khác nhau tùy theo từng trường, vì vậy vui lòng đến tham quan trước khi đăng ký)

Chuẩn bị giấy tờ cần thiết để đăng ký

Ban Sức khỏe và trẻ em của quận nơi bạn đang sống sẽ hỏi về tình hình gia đình của bạn và đưa cho bạn các biểu mẫu giấy tờ cần thiết để đăng ký. Tùy thuộc vào lý do cần giữ trẻ, bạn có thể cần phải chuẩn bị trước một số giấy tờ, vì vậy vui lòng chuẩn bị sớm. Ví dụ: Giấy xác nhận đang làm việc (do nơi làm việc cấp), Giấy khám sức khỏe (do bệnh viện cấp), v.v...



Thủ tục đăng ký

Về nguyên tắc, vui lòng gửi các giấy tờ cần thiết để đăng ký nhập học tại nhà trẻ được công nhận, v.v... đến Ban Sức khỏe và trẻ em ở quận bạn đang sinh sống qua đường bưu điện (bạn cũng có thể trực tiếp mang đến). Ngày mà bạn nhận được các biểu mẫu tại Ban Sức khỏe và trẻ em cũng là ngày tiếp nhận đăng ký, vì vậy vui lòng nộp giấy tờ cần thiết trước hạn cuối.

Việc từ chối nhập học sau khi đã có quyết định nhập học sẽ gây ra nhiều rắc rối và phiền hà cho những người có nguyện vọng nhập học khác và nhà trẻ, v.v...

Chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác của quý phụ huynh trong việc chỉ ghi trường có thể cho con theo học trong mục các trường mong muốn trong đơn đăng ký.



Gửi giấy chứng nhận cần hỗ trợ giáo dục và chăm sóc trẻ em

Ban Sức khỏe và trẻ em của quận nơi bạn sinh sống sẽ xác nhận lý do và thời gian gửi trẻ mong muốn, sau đó sẽ gửi cho bạn Giấy chứng nhận cần hỗ trợ giáo dục và chăm sóc trẻ em. Vui lòng lưu ý rằng Giấy chứng nhận cần hỗ trợ giáo dục và chăm sóc trẻ em là giấy tờ chứng minh rằng bạn đã được công nhận là có trẻ cần được chăm sóc, và đây không phải là giấy quyết định nhập học tại nơi giữ trẻ được công nhận, v.v...



Gửi giấy thông báo kết quả điều chỉnh sử dụng\*

Ban Sức khỏe và trẻ em ở các quận sẽ thực hiện điều chỉnh sử dụng các trường theo nguyện vọng dựa trên tiêu chuẩn điều chỉnh sử dụng của thành phố Sapporo. Trường hợp được phê duyệt nhập học, chúng tôi sẽ thông báo qua Giấy thông báo kết quả điều chỉnh sử dụng (được phê duyệt), trường hợp không được phê duyệt nhập học, chúng tôi sẽ thông báo qua Giấy thông báo kết quả điều chỉnh sử dụng (bảo lưu). Ngoài ra, theo nguyên tắc, chúng tôi sẽ liên lạc trước qua điện thoại nếu có thể nhập học vào giữa năm tài chính (nếu không liên lạc được, chúng tôi có thể sẽ ưu tiên điều chỉnh cho người tiếp theo).

※ Những điều cần lưu ý về Giấy thông báo kết quả điều chỉnh sử dụng (bảo lưu)

Từ thành phố Sapporo, chúng tôi chỉ gửi khi điều chỉnh sử dụng lần đầu và khi lưu giữ hồ sơ vào ngày 1/ 4. Khi gia hạn thời gian nghỉ làm chăm con, nếu bạn cần giấy tờ chứng minh việc không thể đưa con đi học tại nhà trẻ trở lại để nộp cho nơi làm việc hoặc Hello Work, v.v..., vui lòng liên hệ với Ban Sức khỏe và trẻ em của quận bạn đang sinh sống.



Quy trình sau khi điều chỉnh sử dụng

- Nếu bạn đã quyết định cho con nhập học, vui lòng liên hệ với nhà trẻ nơi bạn quyết định cho trẻ nhập học và sắp xếp lịch trình cho buổi định hướng nhập học (trường hợp nhập học vào ngày 1/4, chúng tôi sẽ tổ chức Buổi giới thiệu nhập học tại các nhà trẻ)
- Đối với trường hợp bảo lưu nhập học, chúng tôi sẽ tiếp tục điều chỉnh tại trường mong muốn mà bạn đã đăng ký. Trường hợp có sự thay đổi về tình hình gia đình hoặc tình hình việc làm, v.v..., hoặc trường hợp thay đổi trường mong muốn, v.v..., vui lòng liên hệ với Ban Sức khỏe và trẻ em của quận nơi bạn đang sinh sống.

7. Về các giấy tờ cần thiết để đăng ký sử dụng nhà trẻ

Khi đăng ký sử dụng dịch vụ nhà trẻ, ngoài Đơn xin chứng nhận cần hỗ trợ, v.v... (Dành cho chứng nhận cần hỗ trợ giáo dục và chăm sóc trẻ thuộc nhóm 2 và nhóm 3), bạn cần phải có các giấy tờ kèm theo như mục ① ~ ③ dưới đây.

- ① Giấy tờ có thể xác nhận lý do cần chăm sóc trẻ: Bảng phụ lục 1
- ② Giấy tờ cần thiết để điều chỉnh sử dụng và quyết định mức phí người dùng cần chi trả, v.v...: Bảng phụ lục 2
- ③ Giấy tờ xác minh mã số cá nhân/ Giấy tờ xác minh nhân thân: Bảng phụ lục 3

① Giấy tờ có thể xác nhận lý do cần giữ trẻ

Tùy theo lý do cần giữ trẻ mà bạn sẽ cần loại giấy tờ nào. Mỗi người giám hộ vui lòng đảm bảo chuẩn bị các giấy tờ có thể xác nhận lý do cần hỗ trợ giữ trẻ tại thời điểm nhập học mong muốn. Ngoài ra, nếu có sự thay đổi về tình trạng làm việc (nơi làm việc, thời gian làm việc), v.v... sau khi có thư mời nhập học, ngoại trừ trường hợp được giảm thời gian làm việc để chăm con hoặc nghỉ chăm con vào đầu hoặc cuối giờ làm việc, thì thư mời nhập học có thể bị hủy bỏ.

(Bảng phụ lục 1) Danh sách các giấy tờ có thể xác nhận lý do cần chăm sóc trẻ

| Người cần nộp giấy tờ |    |      | Giấy tờ cần để xác nhận          | Lý do cần giữ trẻ |               |          |                                                                                                                                                        |            |          |         |          |
|-----------------------|----|------|----------------------------------|-------------------|---------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|---------|----------|
| Cha                   | Mẹ | Khác |                                  | Làm việc          |               | Sinh con | Bị bệnh                                                                                                                                                | Khuyết tật | Tìm việc | Học tập | Chăm sóc |
|                       |    |      |                                  | Người lao động    | Tự kinh doanh |          |                                                                                                                                                        |            |          |         |          |
|                       |    |      | Giấy xác nhận đang làm việc (*1) | ●                 | ●             |          | Nếu người chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận và nhận giấy là cùng một người, chẳng hạn như người doanh, nhân viên công ty v.v... vui lòng đính kèm t |            |          |         |          |

Nếu người chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận và người nhận giấy là cùng một người, chẳng hạn như người tự kinh doanh, nhân viên công ty v.v... vui lòng đính kèm tài liệu chứng minh rằng người đó đang điều hành một doanh nghiệp (bản sao giấy chứng nhận thành lập doanh nghiệp v.v...)

|  |  |  |                                                            |                                                                                                                                                                    |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  | Bản sao Sổ tay mẹ và bé                                    | Trang bìa và trang có ghi ngày dự sinh                                                                                                                             |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Giấy khám sức khỏe (*1)                                    |                                                                                                                                                                    |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Bản sao Sổ tay người khuyết tật                            | Phản ghi họ tên, mức độ, thời gian đánh giá lần tiếp theo trong Sổ tay người khuyết tật thể chất/Sổ tay người khuyết tật tinh thần/Sổ tay người khuyết tật trí tuệ |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Mẫu khai báo hoạt động tìm việc kết hợp Giấy xác nhận (*1) |                                                                                                                                                                    |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Giấy xác nhận đang đi học (*2)                             | Vui lòng kèm theo các tài liệu thể hiện chương trình học như thời gian biểu, v.v...                                                                                |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Đơn đề nghị liên quan đến chăm sóc - điều dưỡng (*1)       |                                                                                                                                                                    |  |  |  |  |  |  |  |  |

※1 Vui lòng sử dụng mẫu chỉ định của thành phố Sapporo khi nộp giấy tờ. Các mẫu giấy tờ được đăng tải trên Dịch vụ tài đơn đăng ký/khai báo của thành phố Sapporo

Trang thông tin chăm sóc trẻ em Sapporo

Tìm kiếm



Trang chủ> Tìm kiếm theo mục đích > Dịch vụ gửi trẻ > Nhà trẻ, v.v... > Nhà trẻ công lập/ trường được công nhận > Thủ tục nhập học vào nhà trẻ được công nhận, v.v...

Tài đơn đăng ký của thành phố tại đây

Tìm kiếm

URL ⇒ <http://www3.city.sapporo.jp/download/shinsei/>

- ※2 Giấy xác nhận đang đi học không có mẫu chỉ định của thành phố Sapporo, vì vậy vui lòng yêu cầu nơi đang theo học cấp mẫu giấy này.
- ※3 Trường hợp đang học theo hình thức đào tạo từ xa và không có chương trình học như thời gian biểu, v.v..., vui lòng đính kèm vào Đơn đề nghị một tài liệu có ghi thời gian trung bình dành cho việc học.
- ※4 Nếu bạn không chắc chắn về quyết định của mình, chẳng hạn như trường hợp bạn dự định ly hôn và gặp khó khăn khi nộp tài liệu để xác nhận lý do vợ/chồng bạn muốn gửi con cái v.v..., vui lòng trao đổi với Ban Sức khỏe và Trẻ em của quận nơi bạn đang sống.

② Giấy tờ cần thiết để điều chỉnh việc sử dụng và quyết định mức phí người dùng cần chi trả, v.v...

(Trường hợp có nguyện vọng nhập học trong khoảng thời gian từ tháng 9/2025 đến tháng 8/2026)

(Bảng phụ lục 2) Giấy tờ cần thiết để điều chỉnh việc sử dụng và quyết định mức phí người dùng cần chi trả, v.v...

| Người cần nộp giấy tờ            |    |      | Phân loại                                                                                          | Giấy tờ cần thiết để xác định                                                                                                                                          |
|----------------------------------|----|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cha                              | Mẹ | Khác |                                                                                                    |                                                                                                                                                                        |
| Liên quan đến điều chỉnh sử dụng |    |      |                                                                                                    |                                                                                                                                                                        |
|                                  |    |      | Trường hợp muốn sử dụng nơi giữ trẻ được công nhận, v.v... sau khi hết thời gian nghỉ làm chăm con | Tham khảo *1                                                                                                                                                           |
|                                  |    |      | Trường hợp muốn cho trẻ nhập học vào nhà trẻ sau khi hết thời gian nghỉ làm chăm con               | Đơn đề nghị (để dời ngày bắt đầu nghỉ chăm con lên sớm hơn)                                                                                                            |
|                                  |    |      | Trường hợp có thành viên trong hộ gia đình có Sổ tay người khuyết tật                              | Bản sao Sổ tay người khuyết tật thể chất/Sổ tay người khuyết tật tinh thần/Sổ tay người khuyết tật trí tuệ (Phản ghi họ tên, mức độ, thời gian đánh giá lần tiếp theo) |

| Liên quan đến mức phí người dùng cần chi trả, v.v... |  |  |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                      |  |  | Người đã đăng ký cư trú ở thành phố Sapporo tính đến thời điểm ngày 1/1/2025                               | Về nguyên tắc là không cần giấy tờ (*2)                                                                                                                                                                                    |
|                                                      |  |  | Người không đăng ký cư trú ở thành phố Sapporo tính đến thời điểm ngày 1/1/2025 (*3)                       |                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                      |  |  | Người đang bị khấu trừ thuế cư trú cấp thành phố, thị trấn, làng xã từ tiền lương                          | A) <u>Năm tài chính 2025</u> Giấy thông báo khoản thuế trưng thu đặc biệt đối với thuế cư trú cấp thành phố, thị trấn, làng xã và thuế cư trú cấp tỉnh                                                                     |
|                                                      |  |  | Người đang tự chi trả thuế cư trú cấp thành phố, thị trấn, làng xã                                         | B) <u>Năm tài chính 2025</u> Giấy thông báo nộp thuế cư trú cấp thành phố, thị trấn, làng xã và thuế cư trú cấp tỉnh                                                                                                       |
|                                                      |  |  | Người được miễn thuế cư trú cấp thành phố, thị trấn, làng xã                                               | C) <u>Năm tài chính 2025</u> Giấy chứng nhận số tiền chịu thuế cư trú cấp thành phố, thị trấn, làng xã và thuế cư trú cấp tỉnh                                                                                             |
|                                                      |  |  | (Người đã đăng ký cư trú tại một đô thị quốc gia của Nhật Bản phải có công nhận theo mục C)                | * Cần có giấy công nhận thể hiện khoản thuế cư trú cấp thành phố, thị trấn, làng xã tính theo thu nhập, tổng thu nhập thực lĩnh (số tiền thu nhập thực lĩnh), chi tiết các khoản khấu trừ, chi tiết về số người phụ thuộc. |
|                                                      |  |  | Trường hợp không thể nộp giấy thông báo nộp thuế, v.v..., hoặc đã làm mất, v.v...                          | Chứng minh nơi làm việc (chi tiết tiền lương), v.v...<br>* Cần có tài liệu có thể chứng minh thu nhập <u>trong 1 năm từ tháng 1 đến tháng 12/2025</u> và bản dịch tương ứng.                                               |
|                                                      |  |  | Người không thể chứng minh thuế cư trú cấp thành phố, thị trấn, làng xã do đang sống ở nước ngoài          |                                                                                                                                                                                                                            |
|                                                      |  |  | Trường hợp anh chị em của trẻ đang sử dụng dịch vụ hỗ trợ chăm sóc ngoại trú cho trẻ em khuyết tật, v.v... | Giấy thông báo, giấy xác nhận ngoại trú, quyết định ngoại trú, v.v... liên quan đến chế độ giảm chi phí cho hộ gia đình đồng con                                                                                           |

※1 Về nguyên tắc, điểm cộng thêm sau khi kết thúc thời gian nghỉ làm chăm con sẽ được cộng vào trong trường hợp có thể xác nhận việc có ý định trở lại làm việc sau thời gian nghỉ chăm con tùy theo tình hình nộp đơn đăng ký vào nhà trẻ được công nhận, v.v... theo mục số 9 trong Giấy xác nhận đang làm việc.

(1) Trường hợp không phải người lao động (người tự kinh doanh, v.v...)

Nếu có thể xác nhận rằng bạn đã bắt đầu kinh doanh trước khi sinh trẻ mà bạn đang đăng ký vào nơi giữ trẻ được công nhận, v.v..., chúng tôi sẽ xem xét như là trường hợp đã kết thúc thời gian nghỉ làm chăm con.

☐ Giấy tờ cần có: **Bản sao có xác nhận Giấy thông báo thành lập doanh nghiệp (có dấu xác nhận của Cơ quan thuế trước ngày sinh con), hoặc bản sao có xác nhận Tờ khai thuế của năm trước**

(2) Trường hợp là người lao động nhưng không thể sử dụng chế độ nghỉ làm chăm con

Nếu bạn đã nghỉ việc ở công ty cũ sau khi xác định đang mang thai (đã nhận Sổ tay mẹ và bé), nhưng quyết định sẽ trở lại làm việc tại nơi làm việc đó (\*), thì riêng đối với những người dự định trở lại làm việc trước khi trẻ đủ 1 tuổi, chúng tôi sẽ xem xét như là trường hợp đã kết thúc thời gian nghỉ làm chăm con. (\* Bao gồm các trường hợp làm việc cho chi nhánh khác của cùng công ty, hoặc làm việc cho văn phòng khác của cùng một pháp nhân, v.v...)

☐ Giấy tờ cần có: **Giấy xác nhận đang làm việc (Giấy tờ phải thể hiện 2 việc là bạn đang làm việc trước khi sinh và bạn sẽ làm việc trong tương lai. Vui lòng yêu cầu công ty nơi bạn làm việc điền vào cột ghi chú hoặc chỗ trống về quá trình làm việc trước đây của bạn.)**

※2 Trường hợp bạn không khai báo thuế cư trú thành phố Sapporo/ thuế cư trú Hokkaido, hoặc trường hợp thành phố Sapporo không thể xác minh thu nhập của bạn do bạn đã đăng ký cư trú tại thành phố Sapporo nhưng thuế cư trú cấp thành phố, thị trấn, làng xã của bạn cho năm tài chính 2025 được xác định tại một thành phố, thị trấn, làng xã khác, v.v..., thì bạn có thể cần phải nộp một số giấy tờ.

※3 Đối với giấy thông báo/xác nhận ở các mục từ A đến C của phần Liên quan đến mức phí người dùng cần chi trả, v.v... trong Bảng phụ lục 2, nếu bạn có ghi My Number trong đơn đăng ký và nộp các giấy tờ được liệt kê trong phần ③ **Giấy tờ xác minh mã số cá nhân/Giấy tờ xác minh nhân thân** bên dưới, bạn có thể không cần nộp các giấy thông báo/xác nhận nói trên. Trong trường hợp này, bạn sẽ sử dụng My Number để thực hiện đối chiếu về thuế cư trú cấp thành phố, thị trấn, làng xã tại nơi bạn đăng ký cư trú tính đến thời điểm ngày 1/1/2025

Việc đối chiếu này có thể sẽ mất một khoảng thời gian nhất định.

Ngoài ra, chúng tôi có thể yêu cầu nộp bổ sung các loại giấy tờ trong trường hợp bạn không khai báo thuế cư trú thành phố Sapporo/ thuế cư trú Hokkaido hoặc thành phố không thể xác nhận qua đối chiếu, v.v...

③ Giấy tờ xác minh mã số cá nhân/Giấy tờ xác minh nhân thân

Theo quy định của Luật liên quan đến việc sử dụng mã số để nhận dạng cá nhân để xác định các cá nhân cụ thể trong thủ tục hành chính, v.v... và Quy định thực thi của Luật Hỗ trợ trẻ em và nuôi dạy trẻ, bạn cần phải ghi My Number (mã số cá nhân) trong các thủ tục liên quan đến chứng nhận cần hỗ trợ giáo dục và chăm sóc trẻ em. Khi nộp đơn đăng ký, bạn cần phải điền My Number vào Biểu mẫu điền và đính kèm My Number, kèm theo giấy tờ xác minh mã số cá nhân và xác minh nhân thân, vì vậy vui lòng mang theo các giấy tờ cần có dưới đây.

Ngoài ra, trường hợp người nộp đơn gặp khó khăn trong việc ghi mã số cá nhân do không biết mã số cá nhân của bản thân, v.v..., hoặc trường hợp thiếu giấy tờ xác minh, đơn đăng ký có thể được tiếp nhận mà không cần nộp Biểu mẫu điền và đính kèm My Number (trong trường hợp này, thành phố Sapporo sẽ xác nhận mã số dựa trên các thông tin như Sổ đăng ký cư trú cơ bản, v.v...).

(Bảng phụ lục 3) Các giấy tờ cần thiết để xác nhận mã số cá nhân (My number)

|  | Giấy tờ cần thiết                                                   |
|--|---------------------------------------------------------------------|
|  | Biểu mẫu điền và đính kèm My Number                                 |
|  | Giấy tờ xác minh mã số cá nhân: (Chi tiết tham khảo Bảng phụ lục 4) |
|  | Giấy tờ xác minh nhân thân: (Chi tiết tham khảo Bảng phụ lục 4)     |

(Bảng phụ lục 4) Chi tiết về giấy tờ xác minh mã số cá nhân/giấy tờ xác minh nhân thân

|                        | Giấy tờ xác minh mã số cá nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Giấy tờ xác minh nhân thân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Người cần nộp giấy tờ  | Chỉ dành cho người đã điền vào cột Người giám hộ trong Đơn xin chứng nhận cần hỗ trợ, v.v... (dành cho chứng nhận cần hỗ trợ giáo dục và chăm sóc trẻ thuộc nhóm 2 và nhóm 3)                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Ví dụ các loại giấy tờ | <div><input type="checkbox"/> Thẻ mã số cá nhân</div> <div><input type="checkbox"/> Giấy thông báo mã số cá nhân (chỉ trong trường hợp họ tên, địa chỉ, v.v... khớp với thông tin mới nhất)</div> <div><input type="checkbox"/> Bản sao Giấy đăng ký cư trú có ghi mã số cá nhân</div> <div>* Giấy thông báo mã số cá nhân không thể sử dụng làm giấy tờ xác minh mã số cá nhân</div> <div></div> | <div>Chỉ cần xuất trình 1 mục</div> <div><input type="checkbox"/> Thẻ mã số cá nhân</div> <div><input type="checkbox"/> Giấy phép lái xe</div> <div><input type="checkbox"/> Giấy tờ tùy thân có dán ảnh (Thẻ nhân viên, v.v... * Giấy tờ có ghi họ tên và ngày tháng năm sinh)</div> <div>Giấy tờ xác nhận cần xuất trình 2 mục</div> <div><input type="checkbox"/> Thẻ bảo hiểm (Bảo hiểm sức khỏe quốc gia, Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm chăm sóc, v.v...)</div> <div><input type="checkbox"/> Biên nhận về chi phí dịch vụ công cộng</div> <div><input type="checkbox"/> Các loại giấy chứng nhận thuế, giấy chứng nhận nộp thuế, phiếu khấu lưu</div> <div><input type="checkbox"/> Bản sao phụ lục của hộ khẩu, bản sao giấy đăng ký cư trú</div> <div><input type="checkbox"/> Các loại thẻ công nhận trợ cấp y tế do thành phố Sapporo cấp</div> <div>Giấy tờ tùy thân (thẻ nhân viên, v.v...)</div> |

8. Về việc xử lý đóng dấu trên Giấy xác nhận đang làm việc (bao gồm cả giấy xác nhận nghỉ làm chăm con)

**Doanh nghiệp, nơi làm việc không cần đóng dấu.** Tuy nhiên, vui lòng chú ý rằng nếu người giám hộ làm giả hoặc sửa đổi nội dung Giấy xác nhận đang làm việc, v.v... (tự ý soạn hoặc thay đổi) thì người đó có thể bị khép vào các tội bên dưới.

Bên cạnh đó, vui lòng lưu ý trước rằng chúng tôi có thể sẽ gọi điện đến doanh nghiệp nơi bạn làm việc để xác minh nội dung của giấy xác nhận.

(1) Về việc làm giả hoặc sửa đổi (tự ý tạo hoặc chỉnh sửa) giấy chứng nhận việc làm không có con dấu

Theo Bộ luật Hình sự Nhật Bản, trong các trường hợp dưới đây sẽ cấu thành tội phạm tương ứng:

1. Tội làm giả văn thư tư có đóng dấu (Điều 159 khoản 1)

Khi vì mục đích sử dụng, một người dùng con dấu hoặc chữ ký của người khác để làm giả tài liệu hoặc hình ảnh liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ hoặc việc chứng minh sự thật, hoặc sử dụng con dấu hoặc chữ ký đã bị làm giả để sửa đổi (biến đổi nội dung) của tài liệu hoặc hình ảnh đó.

2. Tội sửa đổi văn thư tư có đóng dấu (Điều 159 khoản 2)

Khi tự ý thay đổi nội dung của tài liệu hoặc hình ảnh liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ hoặc chứng minh sự thật mà người khác đã ký tên hoặc đóng dấu.

(Tham khảo)

Hình phạt cho tội làm giả hoặc sửa đổi văn thư tư có đóng dấu: phạt tù từ 3 tháng đến 5 năm

Hình phạt cho tội làm giả hoặc sửa đổi văn thư tư không có dấu: phạt tù tối đa 1 năm hoặc phạt tiền tối đa 100.000 yên

Nơi nộp hồ sơ tư vấn, giải đáp thắc mắc và hồ sơ đăng ký liên quan đến việc nhập học

Hồ sơ được tiếp nhận tại Bộ phận (phụ trách) Phúc lợi trẻ em và gia đình, Ban Sức khỏe và trẻ em của quận nơi bạn đang sống.  
Thời gian tiếp nhận từ 8:45~17:15, ngoại trừ thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày Lễ, 29/12 đến 3/1

| Quận           | Mã bưu điện | Địa chỉ                                                                                 | Điện thoại |
|----------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Quận Chuo      | 060-0063    | Tầng 4 tòa hành chính phức hợp quận Chuo, Nishi 11 Minami 3 Jo Chuo ku                  | 205-3354   |
| Quận Kita      | 001-0025    | Tầng 2 trung tâm sức khỏe cộng đồng Kita, 25 Jo Nishi 6 chome Kita ku                   | 757-2563   |
| Quận Higashi   | 065-0010    | Tầng 2 trung tâm sức khỏe cộng đồng Higashi, Kita 10 Jo Higashi 7 chome Higashi ku      | 711-3214   |
| Quận Shiroishi | 003-8612    | Tầng 4 tòa hành chính phức hợp Shiroishi, Nango Dori 1 chome Minami 8-1 Shiroishi ku    | 861-0336   |
| Quận Atsubetsu | 004-8612    | Tầng 3 tòa hành chính quận Atsubetsu, Atsubetsu Chuo 1 Jo 5 chome Atsubetsu ku          | 895-2499   |
| Quận Toyohira  | 062-8612    | Tầng 3 tòa hành chính quận Toyohira, Hiragishi 6 Jo 10 chome Toyohira ku                | 822-2473   |
| Quận Kiyota    | 004-8613    | Tầng 2 tòa hành chính phức hợp quận Kiyota, Hiraoka 1 Jo 1 chome Kiyota ku              | 889-2051   |
| Quận Minami    | 005-0014    | Tầng 3 trung tâm sức khỏe cộng đồng Minami Makomanai Saiwai Machi 1 chome 3-2 Minami ku | 522-5780   |
| Quận Nishi     | 063-0812    | Tầng 3 trung tâm sức khỏe cộng đồng Nishi. Kotoni 2 Jo 7 chome 1-20 Nishi ku            | 621-4242   |
| Quận Teine     | 006-8612    | Tầng 2 tòa hành chính quận Teine, Maeda 1 Jo 11 chome Teine ku                          | 688-8597   |